

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 487/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Khoa N, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp A, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Khoa N trình bày như sau: Anh N yêu cầu ly hôn với chị H; Về con chung: Anh N đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh N đồng ý cấp dưỡng

nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.500.000đồng/tháng /01cháu cho đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi; Về tài sản chung anh N không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Khoa N và chị Đoàn Thị Hồng H thống nhất trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh N và chị H đám cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do quen biết, được cha mẹ hai bên đồng ý có cưới hỏi đàng hoàng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian hạnh phúc của vợ chồng được 11 năm, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn

Theo anh N nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm với nhau, tánh tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không thông cảm cùng nhau, giữa nàng dâu và mẹ chồng có sự mâu thuẫn với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nên từ đó vợ chồng đã ly thân sau cùng vào tháng 5/2018 cho đến nay.

Còn phía chị H cho rằng vợ chồng không có nguyên nhân mâu thuẫn gì, chị H cũng không biết lý do gì mà anh N xin ly hôn với chị H, chị H cho rằng thời gian gần đây anh N đi làm không thường xuyên về thăm chị và các con, chị H có nói vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng cho cha mẹ chồng biết nhưng mẹ chồng không khuyên ngăn anh N mà còn tác động làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên chị H thu buồn và có về nhà cha, mẹ ruột ở ấp Mỹ Trung 2, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống từ tháng 5/2018 cũng là ngày ly thân sau cùng của vợ chồng.

Về con chung: Anh N và chị H thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008
2. Cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013

Hiện nay cháu Nguyễn Đoàn Li L và cháu Nguyễn Chí T đang sống với chị H. Con riêng, con nuôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh N và chị H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N và chị H thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh N vẫn giữ yêu cầu ly với chị H. Về con chung: Anh N đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh N tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đồng/tháng/01cháu cho đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị H yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng về lo cho con. Nếu anh N kiên quyết ly hôn thì chị H yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013, đồng ý theo mức cấp dưỡng mà anh N đưa ra là cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.500.000đồng/tháng/01cháu, nhưng phía anh N phải cấp dưỡng cho các con ít nhất một lần bằng 06 tháng. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh Nguyễn Khoa N giữ yêu cầu ly với chị Đoàn Thị Hồng H. Về con chung: Anh N đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đồng/tháng/01cháu. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị H yêu cầu đoàn tụ, vì chị H cho rằng chị H còn tình cảm với anh N và để cùng anh N lo cho các con. Nếu anh N kiên quyết ly hôn thì chị H yêu cầu xin tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L và cháu Nguyễn Chí T, đồng ý theo mức cấp dưỡng mà anh N đưa ra là cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.500.000đồng/tháng/01cháu, nhưng phía anh N phải cấp dưỡng cho các con một lần ít nhất bằng 06 tháng.

[2.1] Xét về hôn nhân: Khi anh N và chị H cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, việc anh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi không có tiếng nói chung, không có sự thông cảm cùng nhau. Hơn nữa, anh N đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh

nên vợ chồng ít gặp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay không trở về hàn gắn được. Về phía chị H cũng thừa nhận vợ chồng có cự cãi nhưng theo chị H chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng, thậm chí hiện nay vợ chồng vẫn còn liên lạc với nhau bình thường, chị H không biết vì sao anh N muốn ly hôn mặc dù chị H cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng.

Từ những lời trình bày của anh N và chị H thì cho thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do thiếu sự đồng cảm, không quan tâm lẫn nhau, không thông cảm và chia sẻ với nhau, vợ chồng ở xa nhau không có thời gian để gần gũi, vun đắp tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc khác, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không hòa thuận, cả hai đã không cố gắng thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng anh chị vẫn không trở về được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

Cho anh Nguyễn Khoa N được ly hôn với chị Đoàn Thị Hồng H

[2.2] Xét về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Khoa N đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét về cấp dưỡng nuôi con: Nay tại phiên tòa anh N tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L và cháu Nguyễn Chí T mỗi tháng bằng 2.500.000đồng/tháng/01cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Phía chị H cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà phía anh N đưa ra, nhưng chị H yêu cầu về phương thức cấp dưỡng cho con là cháu Li L và cháu T ít nhất một lần bằng 06 tháng, anh N không đồng ý vì anh N cho rằng anh N nhận lương hàng tháng nên anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con hàng tháng. Xét việc chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là cháu Li L và cháu T ít nhất một lần bằng 06 tháng là chưa có cơ sở để xem xét, bởi lẽ tại phiên tòa chị H cũng thừa nhận anh N làm việc tại Công ty Dược Thành Phố Hồ Chí Minh nhận tiền lương hàng tháng do Công ty chi trả. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận về phương thức cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Khoa N là đúng theo quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ. Nên anh N tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L và cháu Nguyễn Chí T mỗi tháng bằng 2.500.000đồng/tháng/01cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Anh N và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết

[2.4] Xét về nợ chung: Anh N và chị H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh N phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về yêu cầu ly hôn và số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh N phải chịu hai khoản án phí là: 600.000^d, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) mà anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011371, ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên anh N còn phải nộp thêm số tiền là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Khoa N;

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Khoa N được ly hôn với chị Đoàn Thị Hồng H;

- Về con chung: Anh Nguyễn Khoa N đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L, sinh ngày 25-5-2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02-01-2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Li L và cháu Nguyễn Chí T mỗi tháng bằng 2.500.000đồng/tháng/01cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết

- Về nợ chung: Anh N và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh N phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về yêu cầu ly hôn và số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh N phải chịu hai khoản án phí là: 600.000^d (Sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) mà anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011371, ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên anh N còn phải nộp thêm số tiền là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh VL;
- VKSND huyện TB;
- THADS huyện TB;
- Dương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương